

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công;
2. Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 719/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/11/2022, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 21/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1990, cư trú: Khu phố H2, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Minh H, sinh năm: 1985, cư trú: Khu phố H2, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

(Chị T và Anh H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Phạm Thị Kim T trình bày:

Chị T và Anh H cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường B, huyện C, tỉnh L. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Thời gian khoảng 04 năm đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân Chị T xin ly hôn là do Anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, không đưa tiền cho Chị T nuôi con, để mặc Chị T chăm con. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không còn sống chung từ ngày 24/8/2022 đến nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Ngoài

ra, Anh H còn gây ra nợ, nên gia đình phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất để trả nợ cho Anh H. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với Anh H.

Về con chung: Anh H và Chị T có con chung tên là Đặng Phương Tố N, sinh ngày 02/4/2010. Nếu Tòa án cho ly hôn, Chị T yêu cầu được nuôi con; yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Như đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có.

Tại phiên tòa, Chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với Anh H, vì cho rằng vợ chồng không thể đoàn tụ được.

Anh Đặng Minh H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Anh H và Chị T cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Bình, huyện C, tỉnh L. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thì Anh H xác định là do anh không biết quan tâm, chăm lo gia đình và vợ con, thiếu trách nhiệm với vợ con. Anh đang khắc phục và thay đổi bản thân, tuy nhiên Chị T không cho anh cơ hội. Vợ chồng không còn sống chung từ ngày 24/8/2022 đến nay. Từ thời điểm không sống chung, Anh H đã nhờ người thân trong gia đình đến năn nỉ Chị T nhưng không thành, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Chị T yêu cầu ly hôn thì Anh H không đồng ý, do anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh H và Chị T có con chung tên là Đặng Phương Tố N, sinh ngày 02/4/2010. Tại phiên tòa, Anh H cũng đề nghị được nuôi con chung, nhưng sau đó khi nghe ý kiến của cháu Như, Anh H xác định nếu Tòa án cho ly hôn, Anh H đồng ý để Chị T tiếp tục nuôi con để phù hợp với nguyện vọng của cháu; Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Như đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có.

Toà án có tiến hành hoà giải vụ án nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 28/9/2009 do Ủy ban nhân dân xã Trường B, huyện C, tỉnh L cấp thì chị Phan Thị Kim T và Anh Đặng Minh H là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Chị T và Anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T trình bày là vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, Anh H không chăm lo cho gia đình và con. Ý kiến này của Chị T được Anh H thừa nhận là anh thiếu quan tâm vợ con ở mức độ nhất định. Vợ chồng không còn sống chung nhà từ ngày 24/8/2022 đến nay. Anh H cho rằng anh đang thay đổi bản thân nhưng Chị T không cho cơ hội để hàn gắn tình cảm.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng anh, chị không thể đoàn tụ được. Anh H không đồng ý ly hôn với Chị T, nhưng anh không đưa ra biện pháp cụ thể để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, Chị T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Anh H và Chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Anh H và Chị T có con chung tên là Đặng Phương Tố N, sinh ngày 02/4/2010. Trong thời gian không sống chung, cháu Như do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, điều kiện sống của cháu đã ổn định. Anh H và Chị T thống nhất thỏa thuận để Chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sự ghi nhận này cũng phù hợp với ý chí, nguyện vọng của cháu Như.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Như đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chưa thành niên, đồng thời Anh H cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Như với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 04/01/2023.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và Anh H xác định không có.

[2.5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí Chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00013331, ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C chuyển sang án phí.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Kim T đối với Anh Đặng Minh H.

2. *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với Anh Đặng Minh H.

3. *Về con chung*: Chị Phạm Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Phương Tố N, sinh ngày 02/4/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đặng Phương Tố N đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 04/01/2023.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí Chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00013331, ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C chuyển sang án phí.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

5. Án sơ thẩm, đương sự có mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn C, huyện
Cần Giuộc, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện
Cần Đước, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết Nhung-Nguyễn Thị Kim Cương

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Phước Lại;
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm